TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2023
V/v "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Chung**

2. Ông **Hà Ứng Cương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang: *Ông* ***Lâm Sẻ****n- Kiểm sát viên.*

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 303/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* Ng đơn: Chi **Thị Kim Đ,** sinh năm 1987(Có mặt)

Địa chỉ : ấp Th, xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

* Bị đơn: Anh **Danh Ph,** sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ ấp Th, xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

Chổ ở hiện nay: Khu phố Đ, thị trấn Th, huyện A, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Thị Kim Đ trình bày: Vào năm 2008 chị cùng anh Danh Ph thành lập gia đình với nhau, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn anh Ph không quan tâm đến cuộc sống

gia đình, bỏ mặt chị một mình bươn chải để nuôi con, nhậu nhẹt thường xuyên và có lời lẽ xúc phạm hăm dọa chị. Vừa qua anh lãnh tiền chính sách thôi việc hơn 200.000.000đ nhưng không cho vợ con đồng nào, ăn xài hoang phí. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh Ph được nữa.Vì vậy, chị Đ làm khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh Ph.

Quá trình chung sống chị và anh Ph có 02 người con chung tên: Thị Ngọc D, sinh ngày 19- 9-2009 và Thị Kim Ng, sinh ngày 10-5-2017, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay các con do chị Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Thị Kim Đ có yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Danh Ph.

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên : Thị Ngọc D, sinh ngày 19-9-2009 và Thị Kim Ng, sinh ngày 10-5-2017, không yêu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung : Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Danh Ph có ý kiến trình bày:***

Anh và chị Thị Kim Đ thành lập gia đình với nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 do tinh giảm biên chế anh nghĩ việc về nhà sinh sống với vợ con và làm ruộng sinh sống. Trong quá trình làm ruộng giữa anh và cha vợ xảy ra mâu thuẫn nên cha vợ đuổi anh ra khỏi nhà nên anh về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Sau đó cha mẹ anh có đến nhà gặp cha mẹ vợ để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh và chị Đông, nhưng cha vợ không đồng ý và nói sẽ làm đơn cho vợ chồng ly hôn, nên sau đó vợ anh mới làm đơn xin ly hôn với anh. Hai vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay.

Quá trình chung sống anh và chị Đ có chung với nhau 02 người con:Thị Ngọc D, sinh ngày 19- 9-2009 và Thị Kim Ng, sinh ngày 10-5-2017, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay con do chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Ph trình bày vợ chồng anh có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu chia để lại cho chị Đ nuôi 02 con.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh Danh Ph có yêu cầu :

Trước đây trong quá trình giải quyết vụ án anh có yêu cầu chị Đ giao cho anh số tiền 30.000.000đ thì anh đồng ý ký đơn ly hôn, còn nếu chị Đ không giao số tiền 30.000.000Đ thì anh sẽ không ly hôn và anh sẽ quay về hàn gắng đoàn tụ sinh sống với vợ con, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh không yêu cầu số tiền 30.000.000đ.

Về hôn nhân : Anh Ph không đồng ý ly hôn với chị Thị Kim Đ, anh xin được hàn gắn đoàn tụ gia đình chờ các con đến 18 tuổi.

Về con chung: Có 02 con chung tên Thị Ngọc D, sinh ngày 19- 9-2009 và Thị Kim Ng, sinh ngày 10-5-2017, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Đ tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Ph trình bày vợ chồng anh có tài sản chung nhưng anh không yêu cầu chia để lại cho chị Đ nuôi 02 con.

Trong qúa trình giải quyết vụ án thì Tòa án có giải thích quyền yêu cầu phản tố của anh về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn và anh cũng đã nhận được văn bản Thông báo : v/v thực hiện thủ tục khởi kiện phản tố nhưng anh xét thấy phần tài sản này anh không làm đơn yêu cầu phản tố cũng như không yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của Ng đơn chị Thị Kim Đ thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, Nguyên đơn chị Thị Kim Đ yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung với bị đơn anh Danh Ph. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*".

[3] -Về hôn nhân : Chị Thị Kim Đ và anh Danh Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Đ nguyên nhân do anh Ph không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ mặt chị một mình bươn chải để nuôi con, nhậu nhẹt thường xuyên và có lời lẽ xúc phạm hăm dọa chị và vợ chồng luôn xãy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm với nhau nên chị và anh Ph đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay .Còn anh Danh

Ph thì cho rằng: Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 do tinh giảm biên chế anh nghỉ việc về nhà làm ruộng sinh sống với vợ con. Trong quá trình sinh sống giữa anh và cha vợ xãy ra mâu thuẫn, cha vợ đuổi anh ra khỏi nhà nên anh về nhà cha mẹ ruột sinh sống, sau đó chị Đ làm đơn xin ly hôn với anh. Anh và chị Đ đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay, nhưng anh Ph không đồng ý ly hôn, xin hàn gắn đoàn tụ đợi các con đến 18 tuổi.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực trạng mâu thuẫn giữa chị Thị Kim Đ và anh Danh Ph đã đến mức trầm trọng, thực tế chị Đ và anh Ph đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay cũng một thời gian khá dài không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, tại các phiên hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay, Toà án đã kiên trì hoà giải nhằm động viên anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng không kết quả, chị Đ xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Ph và vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thị Kim Đ được ly hôn với anh Danh Ph.

[4] - Về con chung: Chị Thị Kim Đ và anh Danh Ph đều xác nhận anh chị có 02 người con chung tên Thị Ngọc D, sinh ngày 19- 9-2009 và Thị Kim Ng, sinh ngày 10-5-2017, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay các con do chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Đ và anh Ph thống nhất thỏa thuận giao 02 con cho chị Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Thị Ngọc D cũng có nguyện vọng được sống với chị Đ theo biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 16-8-2022. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của chị Đ và anh Ph phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của các con, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Đ về quyền yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi các cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Đ

xác định không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi các con và việc chị Đ không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[5] - Về tài sản chung: Chị Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn anh Danh Ph cho rằng vợ chồng anh có tài sản chung, nhưng anh xác nhận anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thống báo cho anh Danh Ph về việc thực hiện thủ tục khởi kiện phản tố theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh Ph không có làm đơn, thủ tục khởi kiện phản tố. Tại biên bản hòa giải ngày 07-9-2022 (bút lục: 45,46,47) và tại phiên tòa, anh Ph đã xác nhận không yêu cầu chia tài sản chung, nên về phần tài sản chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Về nợ chung: Chị Thị Kim Đ và anh Danh Ph đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Thị Kim Đ là Ng đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 Đ, nhưng chị Thị Kim Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 Đ theo biên lai thu tiền số 0006423 ngày 10-7-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1]- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị Kim Đ và anh Danh Ph.

[2]- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thị Kim Đ và anh Danh Ph giao 02 con chung tên Thị Ngọc D, sinh ngày 19- 9-2009 và Thị Kim Ng, sinh ngày 10-5-2017 cho chị Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của các con). Chị Đ không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Danh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai có quyền cản trở.

[3] - Về tài sản chung: Chị Thị Kim Đ và anh Danh Ph đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội Đ xét xử không xem xét.

[4]- Về nợ chung: Chị Thị Kim Đ và anh Danh Ph đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội Đ xét xử không xem xét.

[5]- Về án phí: Chị Thị Kim Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 Đ đã nộp theo biên lai số 0006423 ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; chị Đ không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

[6]- Báo quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyệnChâu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thúy Hằng